

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN HOÀN THIỆN

■ TS. VÕ THÀNH ĐẠT*

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu, phân tích, đánh giá, làm rõ thực trạng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các tội phạm về môi trường ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa: Tội phạm về môi trường; pháp luật hình sự; hoàn thiện pháp luật.

Nhận bài: 18/02/2025

Hoàn thành biên tập: 09/3/2025

Duyệt đăng: 16/3/2025

PROVISIONS OF THE 2015 PENAL CODE ON ENVIRONMENTAL CRIMES AND ISSUES TO BE IMPROVED

Abstract: The article studies, analyzes and evaluates the current status of the provisions of the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017) on environmental crimes in Vietnam today, on that basis, proposes some recommendations for improving the law.

Keywords: Environmental crimes; criminal law; improving the law.

Article received: 18/02/2025 Editing completed: 09/3/2025 Approved for publication: 16/3/2025

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng và gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với hệ sinh thái và sức khỏe cộng đồng, việc hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm ngăn chặn và xử lý hiệu quả tội phạm về môi trường là một yêu cầu cấp thiết. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) đã có những quy định cụ thể đối với các hành vi xâm phạm môi trường, góp phần vào việc nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng, nhiều hạn chế và bất cập đã xuất hiện, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh, hoàn thiện để bảo đảm tính khả thi, minh bạch và rắn chắc hơn. Bài viết tập trung nghiên cứu, phân tích các quy định hiện hành của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các tội phạm về môi trường, đồng thời, đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa và xử lý loại tội phạm này.

1. Chủ trương, chính sách và các quy định của pháp luật Việt Nam đối với các tội phạm về môi trường

Trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật nhằm phòng, chống tội phạm và vi phạm về môi trường, quản lý tài nguyên và bảo đảm an toàn thực phẩm. Những nỗ lực này góp phần hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, toàn diện của đất nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên, các tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu, áp lực của sự phát triển kinh tế - xã hội cùng với tình trạng vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên và an toàn thực phẩm đã gây suy thoái nghiêm trọng cho môi trường, cạn kiệt nguồn tài nguyên và gia tăng các rủi ro về an toàn thực phẩm. Chất lượng môi trường ngày càng bị ảnh hưởng nặng nề, tiềm ẩn nguy cơ về ô nhiễm và gây nhiều bức xúc trong xã hội. Một số vấn đề nổi cộm như: vi phạm trong quản lý và xử lý chất thải tại các khu công nghiệp và đô thị, làm ô nhiễm và

* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

khan hiếm nguồn nước, gây mất an toàn môi trường đất; tình trạng khai thác trái phép tài nguyên rừng và khoáng sản cùng với săn bắt động vật quý hiếm, đe dọa cân bằng sinh thái; các hành vi đưa chất thải vào Việt Nam qua các hoạt động đầu tư nước ngoài trá hình, tạo nguy cơ chuyển dịch ô nhiễm xuyên quốc gia; tình trạng vi phạm về an toàn thực phẩm, đặc biệt là nhập khẩu và kinh doanh thực phẩm giả, thực phẩm không an toàn. Tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực này không chỉ suy giảm chất lượng môi trường mà còn gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và sức khỏe con người, đe dọa an ninh môi trường và mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia.

Nhận thức được vai trò quan trọng của bảo vệ môi trường đối với đời sống của Nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước, những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách và văn bản pháp luật nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này. Cụ thể, Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị ban hành về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (Chỉ thị số 36/1998/CT-TW), xác định, bảo vệ môi trường là một vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại; là nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc và đề ra 04 quan điểm cơ bản: (i) bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; (ii) bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; (iii) coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm môi trường là nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; (iv) kết hợp phát huy nội lực với tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững... Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong

thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (Nghị quyết số 41-NQ/TW), nhấn mạnh tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (Nghị quyết số 24-NQ/TW). Trên cơ sở đánh giá thực trạng môi trường và công tác bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 24-NQ/TW xác định rõ quan điểm, mục tiêu tổng quát, trong đó thể hiện quan điểm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; môi trường là vấn đề toàn cầu. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một nội dung cơ bản của phát triển bền vững. Tăng cường bảo vệ môi trường phải theo phương châm ứng xử hài hòa với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lấy bảo vệ sức khỏe của Nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững.

Nghị quyết số 24-NQ/TW đã nêu các mục tiêu cụ thể và 03 nhóm nhiệm vụ bảo vệ môi trường: (i) phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; (ii) khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của nhân dân; (iii) bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Cùng với đó là 05 nhóm giải pháp: (i) tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường; (ii) đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và

công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; (iii) tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; (iv) đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; (v) coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Với mục tiêu chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, bên cạnh các nghị quyết của Đảng, Chính phủ cũng ban hành nhiều quyết định quan trọng để triển khai các nghị quyết này vào thực tiễn. Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW. Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2017 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường chỉ rõ cần tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Các văn bản trên là minh chứng cho sự quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Những chính sách này không chỉ góp phần ngăn chặn, khắc phục tình trạng suy thoái môi trường, mà còn thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường trong toàn xã hội. Đồng thời, các chính sách này tạo nền tảng pháp lý cho việc kiểm soát các hoạt động kinh tế - xã hội, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và quản lý tài nguyên hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển của quốc gia trong dài hạn.

Nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về công tác phòng, chống tội phạm về môi trường, hệ thống pháp luật liên quan đã được ban hành và ngày càng hoàn thiện, như các Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự và

nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác. Hệ thống văn bản này đã tạo ra nền tảng pháp lý đầy đủ và đồng bộ, hỗ trợ hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm về môi trường. Đặc biệt, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung nhiều quy định mới tại Chương XIX về các tội phạm môi trường, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Một số điểm đáng chú ý trong Bộ luật Hình sự năm 2015 gồm: (i) mở rộng đối tượng chịu trách nhiệm hình sự, áp dụng cho cả pháp nhân thương mại, giúp tăng cường trách nhiệm của các doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường; (ii) cụ thể hóa các hành vi phạm tội gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm rõ ràng, chi tiết hơn để tạo thuận lợi cho công tác điều tra và xử lý; (iii) định lượng hóa mức độ thiệt hại do các hành vi phạm tội môi trường gây ra, giúp việc xác định trách nhiệm và mức phạt chính xác hơn; (iv) mở rộng phạm vi và mức phạt tiền đối với nhóm tội phạm về môi trường, tăng tính răn đe và giáo dục. Những quy định này góp phần tăng cường hiệu quả phòng, chống tội phạm về môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ hệ sinh thái, tài nguyên quốc gia và sức khỏe cộng đồng.

Theo Bộ luật Hình sự năm 2015, các tội phạm về môi trường chia thành 04 nhóm hành vi:

Thứ nhất, nhóm các hành vi gây ô nhiễm môi trường: Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235), Tội vi phạm quy định về quản lý chất nguy hại (Điều 236), Tội vi phạm về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237) và Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239).

Thứ hai, nhóm các hành vi làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người và động vật: Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người (Điều 240) và Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 241).

Thứ ba, nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên môi trường: Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242) và Tội hủy hoại rừng (Điều 243).

Thứ tư, nhóm các hành vi xâm phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với một số đối tượng môi trường: Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai, vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238), Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244), Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245) và Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 246).

2. Một số hạn chế, bất cập trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các tội phạm về môi trường

Qua nghiên cứu thực trạng thi hành quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các tội phạm về môi trường cho thấy một số quy định còn chưa phù hợp, rõ ràng, thống nhất làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm¹. Cụ thể:

Một là, đối với Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235). Định lượng cấu thành hành vi chôn, lấp chất thải ra môi trường theo quy định hiện hành là quá cao, dẫn đến nhiều trường hợp vi phạm không thể xử lý hình sự, gây khó khăn cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm môi trường. Mặc dù điều luật đã phân loại hành vi phạm tội theo từng loại chất thải (rắn, lỏng, khí) nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định tổng số lượng chất thải khi một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm khác nhau. Điều này gây lúng túng trong việc định tội danh và xác định khung hình phạt phù hợp. Trên thực tế, nhiều đối tượng có hành vi chôn, lấp chất thải kết hợp với xả thải ra môi trường nhưng không bị xử lý do thiếu căn cứ pháp lý rõ ràng. Nếu không có quy định cụ thể về phương pháp tính tổng lượng chất thải từ nhiều nguồn khác nhau, rất dễ xảy ra tình trạng bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, việc giám định, đo lường lượng chất thải theo từng loại cũng gặp nhiều khó khăn do sự khác biệt về tính chất vật

lý, hóa học của từng dạng chất thải. Do đó, cần có hướng dẫn chi tiết về phương pháp tính tổng lượng chất thải trong trường hợp vi phạm hỗn hợp, giúp cơ quan chức năng có căn cứ pháp lý rõ ràng để xử lý tội phạm. Việc bổ sung quy định này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, bảo đảm tính răn đe và bảo vệ môi trường một cách toàn diện.

Việc xác định lượng chất thải ra môi trường trong một ngày là rất khó khăn. Ví dụ: tại thời điểm phát hiện việc xả thải của cơ sở sản xuất A, xác định lưu lượng xả thải ra môi trường là 200m³/giờ. Tuy nhiên, để xác định một ngày cơ sở đó xả thải ra môi trường là bao nhiêu là rất khó khăn vì tùy thuộc vào từng thời điểm trong ngày mà lượng xả thải khác nhau, có lúc xả thải, có lúc không xả thải. Trong trường hợp này, có thể lấy 200m³/giờ x 24 giờ/ngày để xác định lượng xả thải/ngày hay phải đo trong một ngày để tính tổng lượng chất thải trong ngày.

Quy định hành vi xả thải vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường chỉ cấu thành tội phạm khi lưu lượng nước thải lớn có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn như: "Xả thải ra môi trường từ 500m³/ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường từ 05 lần đến dưới 10 lần hoặc từ 300m³/ngày đến dưới 500m³/ngày nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia từ 10 lần trở lên". Thực tế hiện nay, một số doanh nghiệp xả nước thải sản xuất ra môi trường với lưu lượng rất lớn, lên tới hàng nghìn, hàng chục m³/ngày, tuy lượng nước thải này không có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn quy định tại điều luật nhưng với khối lượng lớn, xảy ra nguy cơ tích tụ các hợp chất gây ô nhiễm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Ví dụ: một doanh nghiệp sản xuất giấy có khối lượng xả thải 35.000m³/ngày, xả thải ra môi trường các thông số môi trường thông thường thì trong 01 ngày, tổng lượng chất

1. Ngô Ngọc Diễm và Trần Quang Minh, "Dấu hiệu định tội, định khung đối với tội gây ô nhiễm môi trường trong pháp luật hình sự", Tạp chí Tòa án nhân dân, số 10, kỳ 2 tháng 5/2021.

ô nhiễm vào khoảng: COD 5,2 tấn, BOD 10,41 tấn, TSS 17,26 tấn... Với lượng chất thải lớn như vậy, có thể xảy ra nguy cơ tích tụ các hợp chất gây ô nhiễm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có quy định xử lý hình sự đối với hành vi vi phạm về tiếng ồn, độ rung. Trên thực tế, nhiều hoạt động sản xuất, xây dựng, giao thông gây tiếng ồn, độ rung vượt ngưỡng cho phép, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống người dân. Tuy nhiên, do thiếu chế tài hình sự, việc xử lý chủ yếu dừng ở mức xử phạt hành chính, chưa đủ sức răn đe. Do đó, cần bổ sung quy định pháp luật để xử lý triệt để các hành vi vi phạm này.

Hai là, tại điểm b khoản 1 Điều 237 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tình tiết “làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng” mang tính định tính gây khó khăn cho việc áp dụng.

Ba là, tại điểm c khoản 1 Điều 238 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Người nào thực hiện hành vi khoan, đào, thăm dò, khảo sát, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản, nước dưới đất trái phép gây thương tích hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”. Theo đó, để xác định tội phạm hoàn thành cần chứng minh được hậu quả cụ thể như sạt lở bờ, bãi sông, phá hủy các công trình đê điều, thủy lợi, công trình dân sinh... phải phát sinh trực tiếp và do chính hành vi khai thác cát, sỏi trái phép gây ra. Tuy nhiên, trên thực tế, việc chứng minh vấn đề này gặp nhiều khó khăn do hậu quả của hành vi khai thác cát, sỏi trái phép thường không xảy ra ngay tại thời điểm đối tượng thực hiện hành vi mà sau cả một quá trình, một thời gian dài, hành vi của đối tượng diễn ra mới dẫn đến hậu quả đó. Điều này gây khó khăn trong việc xác định chủ thể của tội phạm.

Bốn là, theo quy định tại Điều 239 Bộ luật Hình sự năm 2015, hành vi “Đưa chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ

lục A Công ước Stockholm từ 1.000 kilôgam đến 3.000 kilôgam vào lãnh thổ Việt Nam” thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 Điều 239. Tuy nhiên, quy định này chưa cụ thể về phương pháp xác định hàm lượng chất thải nguy hại trong các lô hàng nhập khẩu, gây khó khăn trong việc áp dụng. Hiện chưa có hướng dẫn chi tiết về tiêu chí đánh giá mức độ nguy hại của chất thải cũng như quy trình giám định dẫn đến sự thiếu thống nhất khi xử lý các vụ việc liên quan. Việc phân tích thành phần chất thải để xác định hàm lượng chất nguy hại cần có quy trình kiểm định nghiêm ngặt nhưng hiện chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng để thực hiện. Điều này có thể khiến các đối tượng lợi dụng “kế hở” pháp luật để nhập khẩu trái phép chất thải nguy hại vào Việt Nam. Nếu không có quy định chi tiết về phương pháp xác định, các cơ quan chức năng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc giám định và truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, cần bổ sung các quy định cụ thể về quy trình kiểm tra, đánh giá chất thải nguy hại nhằm bảo đảm hiệu quả thực thi pháp luật. Việc hoàn thiện các quy định này sẽ góp phần ngăn chặn hành vi nhập khẩu trái phép chất thải độc hại, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các tội phạm về môi trường

Các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các tội phạm về môi trường đã tạo ra khung pháp lý quan trọng trong việc xử lý các hành vi vi phạm gây hại cho môi trường. Tuy nhiên, trước thực trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng và sự phức tạp trong các hành vi vi phạm, hệ thống pháp luật hình sự hiện hành còn bộc lộ một số hạn chế cần được khắc phục. Những vấn đề như thiếu chi tiết trong định nghĩa về các hành vi vi phạm, mức phạt chưa đủ sức răn đe và hạn chế trong việc quy trách nhiệm hình sự cho tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài đang đặt ra nhiều thách thức trong việc thực thi pháp luật. Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định này là cần thiết nhằm tăng cường tính hiệu quả và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi

trường trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Cụ thể:

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 về Tội gây ô nhiễm môi trường.

Cần nghiên cứu, bổ sung một số dạng hành vi gây ô nhiễm môi trường vào cấu thành của tội phạm để xử lý về hình sự, như: thải bụi có chứa các thông số gây nguy hại vào môi trường; xả nước thải có chứa thông số vi sinh vật (*Salmonella*, *Shigella*, *Vibrio cholerae*) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải có nồng độ pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật; gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường... Đồng thời, cần nâng mức hình phạt tù đối với tội gây ô nhiễm môi trường với mức hình phạt cao nhất thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng để phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phù hợp với tính chất, mức độ của nhóm tội phạm và bảo đảm xử lý nghiêm khắc tội phạm xảy ra².

Bên cạnh đó, hướng dẫn cụ thể nội dung xác định lượng chất thải ra môi trường trong một ngày; nghiên cứu bổ sung xử lý hình sự đối với hành vi xả thải ra môi trường với khối lượng lớn (có định mức cụ thể), có các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật nhiều lần (có định mức cụ thể) để tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh đối với tội phạm này; nghiên cứu bổ sung quy định đối với lượng chất thải vào điều luật để phù hợp với tình hình thực tế; nghiên cứu bổ sung quy định xử lý đối với hành vi vi phạm về tiếng ồn, độ rung.

Thứ hai, cần ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Điều 237³, Điều 238⁴ và Điều 239⁵ Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với Điều 237 Bộ luật Hình sự năm 2015, cần

hướng dẫn cụ thể về cách tính thiệt hại trong trường hợp làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, giúp xác định rõ mức độ tác động tiêu cực của hành vi vi phạm, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xử lý tội phạm. Đồng thời, quy định chi tiết về phương pháp đánh giá thiệt hại để giúp cơ quan chức năng áp dụng thống nhất, tránh vướng mắc trong thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

Đối với Điều 238 Bộ luật Hình sự năm 2015, cần hướng dẫn cụ thể về cách xác định thiệt hại trong trường hợp hậu quả của hành vi khai thác cát, sỏi trái phép chỉ xuất hiện sau một thời gian dài, giúp cơ quan chức năng có căn cứ pháp lý rõ ràng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng vi phạm. Đồng thời, cần quy định phương pháp đánh giá tác động lâu dài của hoạt động khai thác trái phép đối với môi trường, công trình đề điều, thủy lợi, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm, ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép gây hậu quả nghiêm trọng.

Đối với Điều 239 Bộ luật Hình sự năm 2015, cần hướng dẫn cụ thể về cách xác định khối lượng chất thải nguy hại, bao gồm phương pháp đo lường, giám định và tiêu chí phân loại, giúp cơ quan chức năng có cơ sở pháp lý rõ ràng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm. Đồng thời, cần quy định chi tiết cách xác định hàm lượng chất thải nguy hại trong hỗn hợp chất thải để tránh vướng mắc khi áp dụng, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm môi trường, ngăn chặn các hành vi xả thải trái phép, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Thứ ba, cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về việc quy định cấu thành tội phạm môi trường dưới dạng cấu thành hình thức.

2. Hồ Thanh Giang (2023), "*Hoàn thiện pháp luật về tội gây ô nhiễm môi trường*", <https://tapchitoaan.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-toi-gay-o-nhiem-moi-truong7984.html>, truy cập ngày 15/01/2025.

3. Điều 237 - Tội vi phạm quy định về phòng, ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

4. Điều 238 - Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông.

5. Điều 239 - Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam.

Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có những điều chỉnh, chuyển đổi nhiều tội từ cấu thành vật chất sang cấu thành hình thức, đồng thời, định lượng hóa hành vi phạm tội trong mặt khách quan nhưng trên thực tế, việc thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi đạt đến mức định lượng đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự gặp rất nhiều khó khăn. Nguyên nhân xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan, dẫn đến tình trạng nhiều vụ vi phạm môi trường nghiêm trọng nhưng không thể xử lý hình sự do thiếu căn cứ pháp lý cụ thể. Do đó, Việt Nam có thể tham khảo cách quy định của một số quốc gia để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời, bảo đảm tính khả thi trong áp dụng. Ở nhiều quốc gia, tội phạm môi trường không nhất thiết phải gây ra hậu quả cụ thể mà chỉ cần có giả định hợp lý về nguy cơ tác động tiêu cực đến lợi ích chung (cộng đồng, xã hội) thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là hướng đi cần được cân nhắc nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm môi trường tại Việt Nam.

Thứ tư, tăng mức hình phạt tiền đối với loại tội phạm về môi trường, đặc biệt là đối với pháp nhân phạm tội.

Bên cạnh đó, bổ sung một điều quy định về khái niệm tội phạm môi trường, đây là cơ sở pháp lý quan trọng để phân biệt với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, giúp cơ quan điều tra, truy tố, xét xử áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự được đúng đắn, khách quan⁶. Ngoài ra, hình sự hóa các hành vi nguy hiểm cho xã hội trong lĩnh vực môi trường, nhất là lĩnh vực vi sinh học, hóa học, phóng xạ.

Kết luận

Qua phân tích và đánh giá thực trạng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các tội phạm về môi trường, nghiên cứu đã làm rõ những ưu điểm cũng như các hạn chế trong khung pháp lý hiện hành. Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có những quy định tiến

bộ, góp phần quan trọng vào công tác phòng, chống tội phạm môi trường nhưng vẫn còn những bất cập cần được điều chỉnh để đáp ứng tình hình thực tế. Đặc biệt, một số quy định về hành vi vi phạm chưa cụ thể, mức xử phạt chưa đủ mạnh để răn đe và xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, cũng như thiếu nhất quán trong việc xử lý các vi phạm môi trường có yếu tố nước ngoài.

Từ đó, nghiên cứu đã đưa ra một số đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự về tội phạm môi trường. Cụ thể, cần bổ sung và chi tiết hóa các hành vi vi phạm, tăng mức phạt tiền và hình phạt tù đối với các vi phạm nghiêm trọng, đồng thời, mở rộng trách nhiệm hình sự đối với các tổ chức có yếu tố quốc tế. Việc điều chỉnh các quy định này không chỉ giúp nâng cao tính răn đe, mà còn tăng cường khả năng bảo vệ môi trường, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của đất nước □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.
2. Ngô Ngọc Diễm & Trần Quang Minh, “*Dấu hiệu định tội, định khung đối với tội gây ô nhiễm môi trường trong pháp luật hình sự*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 10, kỳ 2, tháng 5/2021.
3. Hồ Thanh Giang, “*Hoàn thiện pháp luật về tội gây ô nhiễm môi trường*”, <https://tapchitaoaan.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-toi-gay-o-nhiem-moi-truong7984.html>, truy cập ngày 15/01/2024.
4. Nguyễn Đình Luận, “*Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về tội phạm môi trường*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 4 (2018).
5. Hoàng Thị Huyền Trang, “*Một số vấn đề cần hoàn thiện về chính sách hình sự đối với tội phạm trong lĩnh vực môi trường*”, Tạp chí Công Thương, số 25 (11/2022).

6. Nguyễn Đình Luận, “*Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về tội phạm môi trường*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 4 (2018).